TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-PT
Ngày:01-02-2021
V/v:"Tranh chấp HĐ góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Minh Tâm**

Các Thẩm phán: Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc** - thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long***: Bà **Trần Thị Trúc Lâm** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2020/TLPT-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc: tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:68/2020/DS-ST, ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2021/QĐ-PT, ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Đ. Th. L. Th**, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: ấp H. Th, xã A. Ph. Th, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Bà **L. Th. Th. Th**, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Số 246, ấp H. H, xã Ng. V. Th, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

1.3. Chị **H. Th. C. V**, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: số 13/13, ấp H. H, xã Ng. V. Th, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

1.4. Bà **L. Th. T. X**, sinh năm 1957. Có mặt.

Địa chỉ: ấp A. Ph, xã A. Kh, huyện Ch. Th, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Anh **V. T. V**, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: số 180, ấp T. X, phường T. Ng, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2. **Bị đơn**:

2.1 Ông **L. H. D**, sinh năm 1983. Có mặt.

2.2 Bà **V. Th. L**, sinh năm 1950. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp H. H, xã Ng. V. Th, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **L. V. K**, sinh năm 1948. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp H. H, xã Ng. V. Th, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

4. Do kháng cáo của nguyên đơn Đ. Th. L.Th, L. Th. T. X, L. Th. Th. Th, H. Th. C. V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2020, bản tự khai ngày 22/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H. Th. C. V và anh V. T. V là người đại diện chị V trình bày:*

Vào tháng 30/01al/2016, chị H. Th. C. V có tham gia góp hụi do bà V. Th. L *(tên thường gọi là bà Hai Kiệm)*, anh L. H. D (con bà L) làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 30/01al/2016, loại hụi mùa, 3.000.000đ *(kêu theo 03 vụ lúa trong năm, 03 tháng kêu 01 lần)*, có 17 hụi viên, huê hồng chủ hụi được hưởng là 1.000.000đ, chị V tham gia 01 phần (tên trong sổ hụi là Vĩ B5), đã góp hụi được 15 lần, đến lần thứ 15 (vào ngày 20/11/2019 là ngày mãn hụi) thì chỉ V được lĩnh hụi là 43.800.000đ *(đã trừ tiền huê hồng)* nhưng bà L, anh D chưa giao hụi với lý do không còn khả năng, đây là hụi có lãi (vì không góp đến 3.000.000đ mỗi khi có người kêu và lĩnh hụi), nằm tỳ 900.000đ (tức mức kêu hụi không thấp hơn khi góp hụi bằng 2.100.000đ trở lên), bà L hứa hẹn nhiều lần đến nay đã hơn 04 tháng mà chưa giao hụi.

Chị V yêu cầu bà L, anh H trả số tiền hụi còn nợ bằng 43.800.000đ và trả lãi bằng 1,5% trên số tiền 43.800.000đ từ ngày 20/12/2019 x 4 tháng bằng 2.628.000đ, như vậy tiền hụi và tiền lãi chậm trả chị V yêu cầu là 46.428.000đ.

- Dây hụi 1.000.000đ, mở ngày 08/6aL/2018, có 20 hụi viên, chị V tham gia 02 phần, hụi mãn ngày 18/11/2019, huê hồng chủ hụi hưởng là 400.000đ/phần, chị V đã góp hụi sống được 17 lần bằng 34.000.000đ thì bà L, anh D vở hụi nên ngừng hụi. Chị V yêu cầu bà L, anh D trả số tiền hụi còn nợ bằng 33.200.000đ (đã trừ huê hồng), đây là hụi có lãi và tính lãi chậm trả từ ngày 20/12/2019 đến nay bằng 04 tháng thành tiền là 1.992.000đ (04 tháng x 1,5%/tháng x 33.200.000đ). Tổng cộng là 35.192.000đ.

Các dây hụi này thì việc kêu hụi, góp hụi, lĩnh hụi và giao hụi thì bà L mở sổ theo dõi, không có ký xác nhận khi góp hụi, lĩnh hụi và giao hụi để đối chiếu với nhau, chủ hụi chỉ theo dõi đánh dấu trên sổ hụi viên mà chủ hụi giữ. Do bà L lớn tuổi nên các hụi viên đã yêu cầu phải có con bà L là anh D tham gia làm chủ hụi thì mới đồng ý tham góp hụi.

Ngoài ra, còn các dây hụi mùa chưa mãn nhưng bà L tuyên bố vở hụi nên ngừng kêu hụi, cụ thể số tiền hụi mà chị V đã góp hụi sống bằng 34.260.000đ, bà L và anh D có làm bản kê xác nhận với chị V.

Chị V yêu cầu bà L, anh D hoàn trả số tiền hụi còn nợ bằng 115.880.000đ (bao gồm 03 khoản tiền nêu trên).

** Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2020, bản tự khai ngày 21/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L. Th. Th. Th và anh V. T. V người đại diện của chị Th trình bày:*

Chị L. Th. Th. Th có tham gia góp hụi do bà V. Th. L *(tên thường gọi là bà Hai Kiệm)*, anh L. H. D (con bà L) làm chủ hụi, cụ thể như sau: Dây hụi mở vào tháng 4/2015, loại hụi mùa, 5.000.000đ/mùa, có 19 hụi viên, chị Th tham gia 01 phần hụi (huê hồng mỗi lần hốt chủ hụi được hưởng là 1.800.000đ), khi hụi kêu đến lần thứ 15 (vào ngày 16/01al/2020) thì chị Th được lĩnh hụi bằng 14 lần hụi chết do bà L và anh D đã vở hụi, khi rút thăm thì chị Th là người được lĩnh đầu tiền; chị Th đã góp hụi sống được 14 lần, tương đương số tiền 70.000.000đ, đây là hụi có lãi, nằm tỳ 1.500.000đ (tức là mức kêu và góp hụi không thấp hơn 3.500.000đ, vì vậy mỗi khi có người lĩnh hụi thì hụi viên còn sống sẽ góp 3.500.000đ mỗi khi có người kêu và lĩnh hụi), bà L hứa hoàn trả số tiền 70.000.000đ (trừ huê hồng còn lại 68.000.000đ) vào tháng 01al/2020 nhưng đến nay chưa thực hiện.

Việc kêu hụi, góp hụi, lĩnh hụi và giao hụi thì chủ hụi mở sổ theo dõi, không có ký xác nhận khi góp hụi, lĩnh hụi và giao hụi để dối chiếu với nhau. Do bà L lớn tuổi nên các hụi viên đã yêu cầu phải có con bà L là anh D tham gia làm chủ hụi thì mới đồng ý tham góp hụi. Sổ hụi do chị Th cung cấp cho Tòa án là chữ ký của anh D.

Chị Th yêu cầu bà L, anh D hoàn trả số tiền hụi còn nợ bằng 68.200.000đ (đã trừ huê hồng 1.800.000đ) và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 16/02/2020 đến 16/6/2020, bằng 1,5%/tháng (trong 03 tháng chậm trả) trên số tiền 68.200.000 bằng 3.069.000đ. Tộng cộng là 71.269.000đ *(gồm 68.200.000đ + 3.690.000đ).*

** Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2020, bản tự khai ngày 22/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đ. Th. L. Th và anh V. T. V người đại diện của chị Th trình bày:*

Vào tháng 6/2018, chị Đ. Th. L. Th có tham gia góp hụi do bà V. Th. L *(tên thường gọi là bà Hai Kiệm)*, anh L. H. D (con bà L) làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 10/6al/2018, loại hụi 1.000.000đ, có 20 phần, chị Th tham gia 02 phần (tên trong sổ hụi là Th chị xuôi), hụi mãn ngày 15/10/2019al (huê hồng mỗi lần hốt chủ hụi được hưởng là 400.000đ), đến tháng 10/2019 thì bà L, anh D dừng hụi (vở hụi), chị Th đã góp hụi sống được 16 lần, tương đương số tiền 16.000.000đ, đây là hụi có lãi (vì không góp đến 1.000.000đ mỗi khi có người kêu và lĩnh hụi), chị Th không nhớ cụ thể từng lần góp hụi; bà L hứa hoàn trả số tiền 16.000.000đ vào tháng 11/2019 (01 phần), tháng 12/2019 (01 phần) nhưng không thực hiện.

Chị Th yêu cầu bà L, anh D hoàn trả 31.200.000đ tiền hụi (đã trừ huê hồng 800.000đ) và yêu cầu tính lãi từ ngày 10/12/2019 chậm trả 05 tháng, bằng 1,5%/tháng trên 31.200.000đ là bằng 2.340.000đ. Tổng cộng bằng 33.540.000đ.

- Dây hụi 2.000.000đ, loại hụi tháng, hụi mở ngày 20/8/2018, có 19 phần hụi, chị Th tham gia 01 phần, đến ngày 20/01/2020 chị Th đã góp hụi được 17 lần được 34.000.000đ (*đây là hụi có lãi, các lần góp hụi sống không đến 2.000.000đ nhưng chị Th không có mở sổ theo dõi từng lần góp hụi sống cụ thể bằng bao nhiêu)* và bà L cũng dừng hụi (do vở hụi), huê hồng 800.000đ; bà L hứa gom hụi để trả lại chị Th nhưng đến nay bà L gom xong tiền hụi từ các hụi viên nhưng không trả số tiền số trên, như vậy bà L còn nợ chị Th 33.200.000đ và 02 tháng tiền chậm trả từ ngày 20/01/2020, bằng 1,5%/tháng trên 33.200.000đ

trong 02 tháng là bằng 996.000đ. Tổng cộng bằng 34.196.000đ. Sau khi khởi kiện thì bà L, anh D đã trả được 30.000.000đ chỉ còn nợ lại 3.200.000đ.

- Dây hụi mùa, 03 tháng kêu một lần, mỗi lần 5.000.000đ, do bà L và con trai bà L là anh L. H. D đứng ra làm chủ hụi, chị Th tham gia 01 phần và góp hụi được 12 lần tương đương số tiền 60.000.000đ, nằm tỳ là 1.500.000đ *(đây là mức kêu hụi thấp nhất không được thấp hơn 3.500.000đ khi góp hụi, đây là hụi có lãi, mỗi lần góp hụi sống không đến số tiền 5.000.000đ), chị Th không nhớ từng lần góp hụi sống bao nhiêu)*, bà L và anh D tuyên bố vở hụi và dừng hụi. Như vậy, trừ đi tiền huê hồng 1.8000.000đ, anh D và bà L còn nợ chị Th là 58.200.000đ.

Chị Th yêu cầu anh D, bà L hoàn trả tổng số tiền hụi còn nợ và tiền lãi phát sinh là 94.740.000đ *(bao gồm 33.540.000đ + 3.200.000đ + 58.200.000đ)*.

** Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2020, bản tự khai ngày 14/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L. Th. T. X và anh V. T. V người đại diện của bà X trình bày:*

Vào tháng 30/01al/2016, bà L. Th. T. X có tham gia góp hụi (tên trong sổ hụi là Thiếm Bảy Huệ) do bà V. Th. L *(tên thường gọi là bà Hai Kiệm)*, anh L. H. D (con bà Lưu) là chủ hụi, cụ thể: Dây hụi mở ngày 30/01al/2016, loại hụi mùa 5.000.000đ (kêu theo 03 vụ lúa trong năm, 03 tháng 01 lần) do L và anh D làm chủ hụi, có 17 hụi viên, huê hồng chủ hụi được hưởng là 1.800.000đ, nằm tỳ là 1.500.000đ, tức mức kêu hụi thấp nhất không được thấp hơn 3.500.000đ khi góp hụi *(mỗi lần góp hụi khi có người lĩnh hụi thì vụi viên còn sống sẽ góp từ 3.500.000đ trở lên)*, bà X đã góp hụi được 12 lần bằng 60.000.000đ, còn 04 lần kêu nữa hụi mãn thì bà L vở hụi nên ngừng hụi, sau đó bốc thăm thì bà X được nhận hụi từ 12 hụi viên đã hốt (hụi chết) (*khi hụi kêu đến lần thứ 13 thì bà X là người được lĩnh hụi ngày 30/01/2020)*, nhưng bà L và anh D tuyên bố vở hụi nên các phần hụi sống sẽ không đóng tiếp mà chỉ gom các phần hụi đã chết, khi đó bà L hứa sẽ gom và giao đủ tiền hụi cho bà X, đây là hụi có lãi (vì không góp đến 5.000.000đ mỗi khi có người kêu và lĩnh hụi), bà L hứa hẹn nhiều lần nhưng không hoàn trả trong khi các hụi viên đã đóng hụi chết đầy đủ.

Bà X yêu cầu bà L, anh D trả số tiền hụi còn nợ bằng 58.200.000đ (đã trừ huê hồng là 1.800.000đ) và trả lãi bằng 1,5%/tháng trên số tiền 58.200.000đ từ ngày 30/02/2020 đến ngày 30/4/2020 bằng 1.746.000đ. Tổng số tiền hụi và tiền lãi chậm trả là 59.946.000đ.

** Tại bản khai ngày 22/7/2020, biên bản hòa giải ngày 24/7/2020, bị đơn bà Võ Thị L trình bày:*

- Phần nợ hụi của chị H. Th. C. V:

+ Dây hụi mở ngày 30/01al/2016, loại hụi mùa, 3.000.000đ, mỗi năm kêu 04 lần (kêu 04 mùa, cụ thể vào tháng 02al, Hè Thu tháng 5al; lấp vụ vào tháng 8al và tháng 12al), do bà làm chủ hụi, có 19 hụi viên, huê hồng chủ hụi được hưởng là 1.000.000đ, nằm tỳ 900.000đ, bà V tham gia 01 phần, đã góp hụi sống được được 15 lần bằng 23.530.000đ. Do hụi bị vở giữa chừng vào ngày 15/12/2019 (ngày tây) nên bà đồng ý hoàn trả bà X số tiền thực tế đã góp hụi sống là 23.530.000đ (không trừ huê hồng).

+ Dây hụi 1.000.000đ/tháng, mở ngày 08/6al/2018, có 20 hụi viên, bà V tham gia 02 phần, hụi mãn ngày 18/11/2019, huê hồng chủ hụi hưởng là 400.000đ/phần, bà V đã góp hụi sống được 16 lần cho 02 phần hụi tương đương số tiền 23.220.000đ (11.610.000đ x 02) do vở hụi nên ngưng hụi nữa chừng vào tháng 10al/2019, bà đồng ý hoàn trả bà V số tiền đã góp hụi sống còn nợ bằng 23.220.000đ (chưa trừ huê hồng).

Bà V cho rằng bà và D có đối chiếu số tiền hụi do vở hụi của các dây hụi mùa (đã góp hụi sống) bằng 34.260.000đ thì bà không biết và không đồng ý khoản này.

Bà đồng ý hoàn trả bà V tổng số tiền hụi còn nợ là 46.750.000đ (23.530.000đ + 23.220.000đ).

- Phần nợ hụi của chị L. Th. Th. Th:

Ngày 10/4al/2015, bà mở và làm chủ hụi dây hụi mùa, 01 năm kêu hụi 03 lần (theo mùa Đông X, Hè Thu và Lấp Vụ), 5.000.000đ/mùa, có 19 hụi viên, hụi chưa mãn 30/8al/2019; đây là hụi có lãi, nằm tỳ 1.500.000đ (vì vậy mỗi khi có người lĩnh hụi thì hụi viên còn sống sẽ góp 3.500.000đ mỗi khi có người kêu và lĩnh hụi). Chị Th tham gia 01 phần, đã góp hụi sống được 14 lần tương đương số tiền 32.486.000đ, ngày 30/8al/2019 do bị vở hụi nên dừng hụi.

Bà đồng ý hoàn trả chị Th số tiền góp hụi sống còn nợ bằng 32.486.000đ.

- Phần nợ hụi của chị Đ. Th. L. Th:

+ Dây hụi mở ngày 10/6al/2018, loại hụi 1.000.000đ, có 21 phần, chị Th tham gia 02 phần (trong sổ hụi ghi là Th chị xui), hụi mãn ngày 15/10/2019al (huê hồng mỗi lần hốt chủ hụi được hưởng là 400.000đ), đến ngày 20/10al/2019 thì dừng hụi (vở hụi), chị Th đã góp hụi sống được 16 lần, tương đương số tiền 12.010.000đ x 2 phần bằng 24.020.000đ, đây là hụi có lãi (vì mỗi lần hụi viên còn sống không góp hụi đến 1.000.000đ mỗi khi có người kêu và lĩnh hụi).

+ Dây hụi 2.000.000đ, loại hụi tháng, hụi mở ngày 20/8al/2018, có 19 hụi viên, chị Th tham gia 01 phần, huê hồng 800.000đ, đến ngày 06/01al/2020 chị

Th đã góp hụi được 17 lần được 34.000.000đ (*đây là hụi có lãi, các lần góp hụi sống không đến 2.000.000đ)* thì dừng hụi (vở hụi) vào ngày tháng 20/01/2020; trừ huê hồng thì bà còn nợ chị Th 33.200.000đ tiền hụi sống. Ngày 06/4al/2020, bà đã thỏa thuận trả xong cho chị Th số tiền 30.000.000đ nên không còn nợ dây hụi này, khi trả không có lập giấy tờ vì chỗ Th là con của chị xui bà.

+ Dây hụi mở ngày 31/01al/2016, dây hụi mùa, 03 tháng kêu một lần, mỗi lần 5.000.000đ, có 18 hụi viên, chị Th tham gia 01 phần, đã góp hụi sống được 12 lần bằng 32.250.000đ, ngày 30/8al/2019 bà dừng hụi (vở hụi), đây là hụi có lãi, nằm tỳ 1.500.000đ (là mức kêu hụi thấp nhất không được thấp hơn 3.500.000đ khi góp hụi); bà còn nợ bà Th số tiền 32.250.000đ.

Tổng cộng 02 dây hụi bà còn nợ 56.270.000đ (24.020.000đ + 32.250.000đ) nên đồng ý trả khoản tiền này cho Th.

- *Phần nợ hụi của bà L. Th. T. X:*

Dây hụi mở ngày 30/01al/2016, loại hụi màu, 5.000.000đ (kêu theo 03 vụ lúa trong năm, vào ngày 30 trước thời gian thu hoạch lúa 15 ngày, sau khi cắt lúa 10 ngày sẽ gom và giao hụi) do bà và con trai là L. H. D làm chủ hụi, có 18 hụi viên (vì sau khi mở hụi có thêm bà Tư Tây tham gia nên là 18 hụi viên), huê hồng chủ hụi được hưởng là 1.800.000đ, bà X tham gia 01 phần, số tiền hụi sống bà X đã góp đến ngày 30/9al/2020 (ngày hụi bị vở và dừng hụi) được 12 lần là 32.250.000đ, đây là hụi có lãi, nằm tỳ 1.500.000đ *(mức kêu hụi thấp nhất không được thấp hơn 3.500.000đ khi góp hụi, tức là mỗi lần góp hụi khi có người lĩnh hụi thì vụi viên còn sống sẽ góp từ 3.500.000đ trở lên),* bà X đã góp hụi được 12 lần bằng 32.250.000đ, sau khi vở hụi bà có gom hụi nhưng các hụi viên dựt quá nhiều nên chưa trả được cho bà X. Bà đồng ý hoàn trả bà X số tiền thực tế đã góp hụi sống là 32.250.000đ.

Việc kêu hụi, góp hụi, lĩnh hụi và giao hụi giữa bà và các hụi viên đang tranh chấp do tin tưởng nhau nên không lập biên nhận, chỉ đánh dấu theo dõi trong danh sách hụi viên. Tuy sổ hụi ghi tên L. H. D là do bà tự ghi vào nhung thực tế thì D không có làm chủ hụi hay tham gia chơi hụi, D không biết chữ, chữ ký của D là do bà ký.

** Tại biên bản hòa giải ngày 24/7/2020, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh L. H. D trình bày:* Thống nhất ý kiến của mẹ anh là bà V. Th. L đã trình bày, anh không biết chữ và không tham gia làm chủ hụi, mở hụi mọi việc do mẹanh thực hiện, tuy sổ hụi có tên anh nhưng anh hoàn toàn không biết, anh không đồng ý cùng bà L hoàn trả số tiền hụi bà X, chị Th, chị Th và chị V. khởi kiện, phần nợ này để mẹ anh hoàn trả.

** Tại biên ghi lời khai 09/9/2020, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông L. V. K trình bày:*

Ông là chồng của bà V. Th. L, việc bà L tham gia mở hụi và làm chủ hụi tại nhà thì ngay từ đầu ông đã không đồng ý nên ông không biết đến việc tranh chấp tiền hụi giữa bà L với các hụi viên, hơn 10 năm nay ông và bà L đã ly thân, tự túc sinh hoạt riêng (bà L ở nhà trên, ông ở nhà dưới). Về trách nhiệm trả nợ hụi thì do bà L giải quyết, ông không sử dụng khoản tiền này. Phần đất tại thửa 911, diện tích 1001m^2 ở ấp An Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp do bà L đứng tên, hiện nay Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, phần này cũng là tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà L nhưng so với số tài sản chung thì không là bao nhiêu nên ông cũng đồng ý để Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và không có yêu cầu hay khiếu nại gì.

Ông cam kết và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình là đúng sự thật, do bận việc nên xin vắng mặt khi Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số: 68/2020/DS-ST, ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tuyên xử:

Áp dụng các điều 357, 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 144, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 18, 22, 23 và 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ hụi, biêu, phường;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H. Th. C. V do anh V. T. Vđại diện.

Buộc bà Võ Thị L có trách nhiệm hoàn trả chị H. Th. C. V số tiền hụi còn nợ bằng 74.496.800đ (*bảy mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L. Th. Th. Th do anh V. T. Vđại diện.

Buộc bà Võ Thị L có trách nhiệm hoàn trả chị L. Th. Th. Th số tiền hụi còn nợ bằng 33.954.800đ (*ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm đồng*).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Th. L. Th do anh V. T. Vđại diện.

Buộc bà Võ Thị L có trách nhiệm hoàn trả chị Đ. Th. L. Th số tiền hụi còn nợ bằng 62.237.500đ (*sáu mươi hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L. Th. T. X do anh V. T. Vđại diện.

Buộc bà Võ Thị L có trách nhiệm hoàn trả bà L. Th. T. X số tiền hụi còn nợ bằng 33.217.500đ (*ba mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Vào ngày 30/11/2020 nguyên đơn Đ. Th. L. Th, L. Th. T. X, L. Th. Th. Th, H. Th. C. V có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện cho các nguyên đơn có anh V. T. Vtrình bày: Rút yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi 2.000.000 đồng mà chị Th tham gia, chỉ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đối với phần dây hụi 1.000.000 đồng mà chị Th tham gia hai phần và phần hụi mùa 5.000.000 đồng. Đối với hụi của chị V, chị Th, bà X tham gia thì giữ nguyên và yêu cầu xem xét lại phần nợ hụi của án sơ thẩm đối với các phần hụi này.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày trình bày: Thống nhất đối với phần rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Th. Riêng các phần nợ hụi bà đồng ý trả như sau:

+ Đồng ý trả chị Th tổng cộng 2 dây hụi với tổng số tiền 79.000.000 đồng.

+ Đồng ý trả chị V tiền nợ hụi của 3 phần hụi tổng cộng là 90.000.000 đồng.

+ Đồng ý trả chị Th tiền nợ hụi của 01 phần hụi tổng cộng là 49.000.000 đồng.

+ Đồng ý trả bà X tiền nợ hụi của 01 phần hụi tổng cộng là 42.000.000 đồng.

- Các nguyên đơn đồng ý cho bị đơn bà L trả số tiền nợ hụi như bà L đã trình bày.

- Bị đơn anh Lương Hải D trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn và bị đơn bà L.

- Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long nêu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận thống nhất số tiền nợ hụi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về nội dung kháng cáo của nguyên đơn Đ. Th. L. Th, L. Th. T. X, L. Th. Th. Th, H. Th. C. V thì tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Th rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi 2.000.000 đồng, các nguyên đơn chị V, chị Th, bà X thì vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn chị Th, chị Th, chị V, bà X và bị đơn bà L đã thỏa thuận với nhau về số tiền nợ hụi mà bị đơn bà L phải trả cho các nguyên đơn như sau:

- Đối với phần nợ hụi của chị Th thì chị Th tham gia 02 phần hụi 1.000.000 đồng mở ngày 10/6/2018 âm lịch và dây hụi mùa 5.000.000 đồng chị Th tham gia 01 phần thì nguyên đơn chị Th và bị đơn bà L thỏa thuận bà L trả cho chị Th tổng số tiền nợ của 02 dây hụi là 79.000.000 đồng.

- Đối với phần nợ hụi của chị V thì chị V tham 02 phần hụi 1.000.000 đồng và dây hụi 3.000.000 đồng hụi mùa chị V tham gia 01 phần thì nguyên đơn chị V và bị đơn bà L thống nhất bà L phải trả cho chị V tổng số tiền nợ hụi là 90.000.000 đồng.

- Đối với phần nợ hụi của chị Th thì chị Th tham gia 01 phần hụi mùa 5.000.000 đồng thì nguyên đơn chị Th và bị đơn bà L thống nhất bà L phải trả cho chị Th số tiền 49.000.000 đồng.

- Đối với phần nợ hụi của bà X thì bà X tham gia 01 phần hụi của dây hụi 3.000.000 đồng thì nguyên đơn bà X và bị đơn bà L thống nhất bà L phải trả cho bà X số tiền là 42.000.000 đồng.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Từ những phân tích trên đình chỉ xét xử phúc thẩm và hủy một phần bản án đối yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo kháng cáo của nguyên đơn chị Th với dây hụi 2.000.000 đồng, loại hụi tháng mở ngày 20/8/2018. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

Đối với phần án sơ thẩm tuyên về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là chưa chính xác cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp là tiếp tục duy trì biệp pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 70/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 911, tờ bản đồ số 50, diện tích 1001m^2, loại đất lúa, do bà Võ Thị L đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp An Phú, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 289, Điều 299, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm và hủy một phần bản án đối yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Đ. Th. L. Th đối với dây hụi 2.000.000 đồng, loại hụi tháng mở ngày 20/8/2018.

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn Đ. Th. L. Th, L. Th. T. X, L. Th. Th. Th, H. Th. C. V với bị đơn bà Võ Thị L. Sửa bản án sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

Áp dụng các điều 357, 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 144, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm đ khoản 1

Điều 12; Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Võ Thị L có trách nhiệm hoàn trả chị H. Th. C. V số tiền hụi còn nợ bằng 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

2. Buộc bà Võ Thị L có trách nhiệm hoàn trả chị L. Th. Th. Th số tiền hụi còn nợ bằng 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

3. Buộc bà Võ Thị L có trách nhiệm hoàn trả chị Đ. Th. L. Th số tiền hụi còn nợ bằng 79.000.000 đồng (Bảy mươi chín triệu đồng).

4. Buộc bà Võ Thị L có trách nhiệm hoàn trả bà L. Th. T. X số tiền hụi còn nợ bằng 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.
Về án phí dân sự:

5. Án phí dân sự:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Võ Thị L.

- Hoàn trả cho chị H. Th. C. V số tiền 2.897.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011470 ngày 08/6/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

- Hoàn trả cho chị L. Th. Th. Th số tiền 1.782.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011472 ngày 08/6/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

- Hoàn trả cho chị Đ. Th. L. Th số tiền 3.148.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0011471 ngày 08/6/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn Đ. Th. L. Th, L. Th. Th. Th, H. Th. C. V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho Đ. Th. L. Th, L. Th. Th. Th, H. Th. C. V mỗi người 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà các nguyên đơn theo biên lai thu số 00111743, 0011742, 0011744, 011745 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

6. Tiếp tục duy trì biệp pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 70/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 911, tờ bản đồ số 50, diện tích 1001m^2, loại đất lúa, do bà Võ Thị L đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp An Phú, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

7. Chị L. Th. Th. Th được nhận lại số tiền đã gửi bảo đảm bằng 10.000.000đ *(mười triệu đồng)* đã mở theo số TK 7306601484848 ngày 14/8/2020 tại Ngân ngân Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Bình Tân, Vĩnh Long khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TANDCC: 01;*
- *VKSNDTVL: 02;*
- *TNV: 01;*
- *TAND h Bình Tân: 01;*
- *Chi Cục THADS h Bình Tân: 01;*
- *Các Đ/s: 15 ;*
- *Lưu: 04.*

Vương Minh Tâm